

PHẦN 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

“Điều khoản tham chiếu” bao gồm những nội dung chủ yếu sau:

I. Giới thiệu:

1. Mô tả khái quát về dự án và gói thầu

- Tên dự án: Xây dựng Khung giá rừng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.
- Tên gói thầu: Gói thầu số 01: Tư vấn xây dựng khung giá rừng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.
- Chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lâm Đồng.
- Địa điểm thực hiện: Phường Xuân Hương - Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng
- Nguồn vốn thực hiện gói thầu: Kinh phí sự nghiệp Ngành Nông nghiệp và Môi trường.
- Hình thức đấu thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước, qua mạng.
- Phương thức đấu thầu: Một giai đoạn hai túi hồ sơ.
- Loại hợp đồng: Trọn gói.
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng.
- Mục tiêu:

+ Xác định giá trị các loại rừng phù hợp với điều kiện thực tiễn trên cơ sở khung pháp lý hiện hành của Nhà nước để phục vụ công tác quản lý, bảo vệ và sử dụng tài nguyên rừng.

+ Định giá rừng, định khung giá rừng phù hợp với điều kiện của tỉnh Lâm Đồng phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong giai đoạn hiện nay và những năm tiếp theo góp phần bổ sung điều chỉnh khung giá rừng đã được ban hành phù hợp với Luật Lâm nghiệp năm 2017.

2. Mô tả mục đích tuyển chọn nhà thầu.

Nhằm tuyển chọn được tổ chức tư vấn có đủ năng lực và kinh nghiệm đáp ứng công tác Gói thầu số 01: Tư vấn xây dựng khung giá rừng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng dự án Xây dựng Khung giá rừng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

II. Phạm vi công việc:

1. Mô tả chi tiết phạm vi công việc đối với nhà thầu:

- Đối tượng: rừng tự nhiên và rừng trồng thuộc rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất.

- Phạm vi thực hiện: trên toàn tỉnh Lâm Đồng với diện tích rừng là 1.149.610 ha, trong đó: thực hiện mới trên địa bàn của tỉnh Lâm Đồng (trước hợp nhất) và tỉnh Bình Thuận (trước hợp nhất); đối với tỉnh Đắk Nông (trước hợp nhất) sẽ kế thừa toàn bộ số liệu, tài liệu liên quan đã được thực hiện năm 2024 để tổng hợp tính toán cho toàn tỉnh Lâm Đồng (sau hợp nhất).

2. Nội dung chính:

Định khung giá rừng tự nhiên, rừng trồng thuộc rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất theo đơn vị hành chính cấp xã, được tổng hợp cho toàn tỉnh Lâm Đồng, đảm bảo phù hợp với từng trạng thái rừng, loại rừng cho các trường hợp cụ thể được quy định tại Mục 2 Chương II và Mục 2 Chương III Thông tư số 20/2023/TT BNNPTNT, cụ thể:

2.1. Xác định diện tích các loại rừng trong khu vực rừng định giá, gồm:

- Diện tích các trạng thái rừng tự nhiên thuộc rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất;

- Diện tích các loại rừng trồng thuộc rừng đặc dụng, rừng phòng hộ ven biển; rừng phòng hộ khác;

- Diện tích các loại rừng trồng sản xuất gỗ nhỏ, gỗ lớn.

2.2. Điều tra, thu thập thông tin, dữ liệu của các trạng thái rừng, loại rừng đã xác định tại điểm 2.1 phục vụ cho xác định giá rừng, gồm:

- Điều tra diện tích, trữ lượng gỗ, củi và lâm sản ngoài gỗ theo quy định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng;

- Điều tra, thu thập thông tin về giá bán gỗ, củi và lâm sản ngoài gỗ theo phương pháp điều tra, phỏng vấn tại các cơ sở, cá nhân có đăng ký kinh doanh hoạt động mua, bán lâm sản. Tỷ lệ điều tra khảo sát tối thiểu là 30% số cơ sở, cá nhân có hoạt động mua, bán lâm sản hợp pháp trong khu vực. Mẫu Phiếu khảo sát giá lâm sản tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 20/2023/TT-BNNPTNT;

- Các thông tin khác phục vụ định giá rừng được thực hiện theo quy định tại Chương II và Chương III Thông tư số 20/2023/TT-BNNPTNT.

2.3. Định giá các loại rừng đã xác định ở khu vực rừng cần định giá thực hiện theo phương pháp quy định tại Chương II và Chương III Thông tư số 20/2023/TTBNNPTNT.

2.4. Xác định giá tối thiểu, tối đa và khung giá rừng:

- Giá trị rừng tự nhiên, rừng trồng tối thiểu là giá trị trung bình thấp nhất của các giá trị rừng thành phần, xác định cho cùng trạng thái rừng, loại rừng từ kết quả tính toán tại các điểm điều tra;

- Giá trị rừng tự nhiên, rừng trồng tối đa là giá trị trung bình cao nhất của các giá trị rừng thành phần, xác định đối với cùng trạng thái rừng, loại rừng từ kết quả tính toán tại các điểm điều tra;

- Giá trị rừng tối thiểu, tối đa thành phần được tính theo phương pháp bình quân gia quyền;

- Giá rừng tối thiểu, tối đa xác định trong các trường hợp được quy định tại Mục 2 Chương II và Mục 2 Chương III Thông tư số 20/2023/TT-BNNPTNT và được tính theo phương pháp bình quân gia quyền;

- Khung giá rừng xác định là khoảng giá trị từ giá trị trung bình thấp nhất đến giá trị trung bình cao nhất của tất cả các loại rừng định giá; khung giá rừng xây dựng cho các trường hợp định giá rừng.

2.5. Giá khởi điểm cho thuê rừng tự nhiên là rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất theo các trạng thái rừng; các loại rừng trồng thuộc rừng đặc dụng, rừng

phòng hộ ven biển, rừng phòng hộ khác; tính toán theo thứ tự năm cho thuê; tính toán theo địa bàn hành chính cấp xã.

3. Sản phẩm giao nộp:

- Báo cáo thuyết minh xây dựng Khung giá rừng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng kèm biểu khung giá rừng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.
- Dự thảo tờ trình của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lâm Đồng.
- Dự thảo quyết định phê duyệt Khung giá rừng của UBND tỉnh Lâm Đồng.
- USB lưu trữ file cơ sở dữ liệu Khung giá rừng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

III. Báo cáo và thời gian thực hiện:

- Báo cáo tiến độ theo tháng.
- Báo cáo chất lượng, tiến độ theo yêu cầu chủ đầu tư.
- Báo cáo danh mục các hạng mục công việc đã hoàn thành.
- Báo cáo cho cơ quan chức năng khi có yêu cầu.
- Các báo cáo khác theo yêu cầu của chủ đầu tư.
- Thời gian nộp báo cáo: Cuối tháng, cuối mỗi công việc, trước khi họp giao ban, chuyển giai đoạn công việc tiếp theo, khi có yêu cầu, ...

IV. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu:

Theo đúng yêu cầu của HSMT và không thay đổi nhân sự khi trúng thầu

V. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

a) Cung cấp cho nhà thầu tư vấn thông tin về yêu cầu công việc, tài liệu, bảo đảm thanh toán và các phương tiện cần thiết để thực hiện công việc theo thỏa thuận trong hợp đồng (nếu có).

b) Bảo đảm quyền tác giả đối với sản phẩm tư vấn có quyền tác giả theo hợp đồng.

c) Giải quyết kiến nghị của nhà thầu tư vấn theo thẩm quyền trong quá trình thực hiện hợp đồng đúng thời hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

d) Thanh toán đầy đủ cho nhà thầu tư vấn theo đúng tiến độ thanh toán đã thỏa thuận trong hợp đồng.

đ) Hướng dẫn nhà thầu tư vấn về những nội dung liên quan đến dự án và hồ sơ mời thầu (hoặc hồ sơ yêu cầu); tạo Điều kiện để bên nhận thầu được tiếp cận với công trình, thực địa.

e) Cử người có năng lực phù hợp để làm việc với nhà thầu tư vấn.

g) Tạo Điều kiện cho bên nhận thầu thực hiện công việc tư vấn xây dựng, thủ tục hải quan (nếu có).

h) Chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của các tài liệu do mình cung cấp.